

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC
CHÂU VŨ. *Xúc tiến du lịch theo pháp luật
Việt Nam hiện nay***

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 9.38.01.07

Xúc tiến du lịch (XTDL) là một hoạt động thương mại được thương nhân thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường. Luận án góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề về lý luận và thực tiễn về XTDL ở Việt Nam đối với thương nhân, qua đó đưa ra phương hướng, giải pháp cụ thể hoàn thiện pháp luật về XTDL cũng như việc tổ chức hiệu quả hoạt động đó của thương nhân.

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung Luận án được kết cấu gồm 04 chương: 1- *Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài và các vấn đề đặt ra đối với đề tài luận án.* 2- *Cơ sở lý luận về XTDL và lý luận pháp luật về XTDL.* 3- *Thực trạng pháp luật Việt Nam về XTDL của các thương nhân và thực tiễn thực hiện.* 4- *Phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật XTDL tại Việt Nam.* Dưới đây là một số kết quả nghiên cứu nổi bật của Luận án.

Pháp luật về XTDL đóng vai trò quan trọng trong việc ghi nhận và bảo đảm thực hiện quyền tự do hoạt động XTDL của thương nhân, bảo vệ lợi ích của thương nhân XTDL, lợi ích của thương nhân khác, lợi ích của người tiêu dùng và cả lợi ích của Nhà nước. Hiện nay, các quy định pháp luật này chủ yếu được ghi nhận trong Luật Thương mại năm 2005, Luật Du lịch năm 2017, Luật Cạnh tranh năm 2018, Luật Quảng cáo năm 2012, Luật Bảo vệ quyền

lợi người tiêu dùng năm 2010 và một số văn bản pháp luật khác có liên quan. Các hình thức XTDL của thương nhân được quy định tại Luật Thương mại năm 2005 và các văn bản hướng dẫn (Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại) gồm: khuyến mại, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm dịch vụ du lịch, hội chợ, triển lãm du lịch.

Dựa trên những nguyên tắc và tinh thần chung của pháp luật Việt Nam, đặc biệt là pháp luật về thương mại, du lịch, cạnh tranh bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luận án phân tích và đánh giá thực trạng pháp luật về XTDL ở các nội dung khuyến mại du lịch, quảng cáo du lịch, giới thiệu sản phẩm dịch vụ du lịch, hội chợ, triển lãm du lịch; bảo đảm cạnh tranh lành mạnh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của thương nhân và thực tiễn thực hiện; từ đó chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm trong các quy định và cách thức thực hiện các quy định đó, làm cơ sở hoàn thiện các quy định pháp luật về XTDL và định hướng phát triển hoạt động này trong tương lai.

Đối với các hình thức XTDL khuyến mại, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm dịch vụ du lịch và hội chợ, triển lãm du lịch, Luận án chỉ ra một số tồn tại trong thực trạng pháp luật và thi hành pháp luật gồm: (i) Định nghĩa về các hình thức XTDL chưa làm rõ được những đặc trưng cơ bản về pháp lý. (ii) Có sự chồng chéo, trùng lặp, thiếu thống nhất của nhiều văn bản pháp luật do nhiều cơ quan khác nhau ban hành. Hai nhóm văn bản pháp luật về quảng cáo điều chỉnh theo hệ thống Luật Thương mại năm 2005 và Luật Quảng cáo năm 2012

có nhiều nội dung không thống nhất. (iii) Thủ tục hành chính để thực hiện các hình thức XTDL của thương nhân còn rườm rà, gây phiền hà cho thương nhân trong thực hiện XTDL. (iv) Nhiều thương nhân đã và đang thực hiện hình thức XTDL là quản trị mối quan hệ khách hàng (CRM), quan hệ công chúng (PR) để liên hệ với thị trường nhằm mục đích tìm kiếm, thúc đẩy cơ hội cung ứng dịch vụ du lịch nhưng pháp luật hiện hành chưa có quy định điều chỉnh đối với hoạt động XTDL này. Hình thức XTDL trên môi trường mạng Internet là thương mại điện tử, tiếp thị điện tử và việc sử dụng, khai thác nền tảng hạ tầng số của XTDL cũng chưa được pháp luật quy định cụ thể.

Đối với việc bảo đảm cạnh tranh lành mạnh và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong hoạt động XTDL của các thương nhân và thực tiễn thực hiện, Luận án phân tích nhận diện các hành vi khuyến mại, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm dịch vụ du lịch, hội chợ, triển lãm du lịch bị cấm thực hiện, được quy định trong Luật Cạnh tranh năm 2018 và Luật Thương mại năm 2005 đều là các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của đối thủ cạnh tranh và xâm hại quyền lợi của người tiêu dùng dịch vụ du lịch. Sự điều chỉnh của Luật Cạnh tranh đối với các hoạt động XTDL với tính chất là những hành vi cạnh tranh không lành mạnh có ý nghĩa quan trọng trong thực thi pháp luật về XTDL. Bên cạnh đó, pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tiếp tục khẳng định trách nhiệm tôn trọng quyền và lợi ích của khách hàng của thương nhân trong hoạt động cạnh tranh và XTDL. Tuy nhiên, trong các mối quan hệ pháp luật điều chỉnh này, có thể thấy pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng chưa thật sự đề cao tính

trách nhiệm, trung thực, tính tôn trọng người tiêu dùng của thương nhân XTDL, chưa quy định rõ cơ chế tự bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, quyền hạn, trách nhiệm của thương nhân, của cơ quan nhà nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Hiện nay, các hoạt động kinh doanh du lịch đã và đang ngày càng phát triển về loại hình, số lượng, tần suất, và mức độ. Để cạnh tranh, giành thị phần khách hàng trên thị trường, các doanh nghiệp liên quan tới lĩnh vực du lịch đã chú trọng nhiều hơn tới hoạt động XTDL. Tuy nhiên, vì mục đích tối đa hóa lợi nhuận, thương nhân XTDL có thể bất chấp lợi ích quốc gia, lợi ích của thương nhân khác và của cả người tiêu dùng. Trong nhiều trường hợp, hoạt động XTDL không chỉ quảng bá sản phẩm dịch vụ du lịch hay uy tín của thương nhân mà còn biểu hiện rõ nét về hình ảnh đất nước và con người Việt Nam. Do vậy, thiệt hại mà quốc gia có thể phải gánh chịu do hoạt động XTDL của thương nhân có thể được thể hiện dưới góc độ kinh tế, chính trị, văn hóa... Đối với thương nhân là đối thủ cạnh tranh, lợi ích cạnh tranh của họ bị đe dọa bởi những hành vi XTDL không lành mạnh nhằm mở rộng thị phần. Về phần người tiêu dùng, họ có thể phải gánh chịu thiệt hại do hành vi lừa dối, gian lận, cố tình gây nhầm lẫn của thương nhân trong hoạt động XTDL.

Luận án cho rằng, để có thể tối đa hóa hiệu quả của XTDL với tính chất là một mắt xích trong toàn bộ “dây chuyền” cung ứng sản phẩm dịch vụ du lịch thì cơ sở hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch và cụ thể là điều kiện tiên quyết để các hoạt động XTDL của doanh nghiệp du lịch diễn ra một cách suôn sẻ và có trật tự, đồng thời cũng là cách thức bảo vệ lợi ích của người

mua và sử dụng sản phẩm dịch vụ du lịch nói chung. Trong điều kiện đó, thực tế đòi hỏi phải có một hành lang pháp lý vững chắc để điều chỉnh hoạt động XTDL, đưa các hoạt động xúc tiến này vào khuôn khổ, tạo ra một trật tự cần thiết để các chủ thể liên quan có thể dự liệu được hành vi và hệ quả hành vi của mình. Trên cơ sở đó, Luận án đưa ra phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về XTDL. Đồng thời đề xuất sửa đổi và bổ sung chính sách visa của

Nhà nước liên quan đến Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật cụ thể tại Luật Thương mại, Luật Quảng cáo, Luật Cạnh tranh và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội năm 2023.

TV.

giới thiệu

(tiếp theo trang 58)

11. Đặng Ngọc Khương (2019), “Nhân vật mang tính biểu tượng trong tiểu thuyết Việt Nam sau năm 1986”, Tạp chí *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 6, tr. 120-125.
12. Trần Thị Mai Nhân (2006), “Kiểu nhân vật tha hóa trong tiểu thuyết viết về chiến tranh sau 1975”, Tạp chí *Khoa học*, Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, số 9, tr. 91-100.
13. Trần Thị Mai Nhân (2012), “Vấn đề nhân vật trong văn học Việt Nam cuối thế kỷ XX”, Tạp chí *Khoa học*, Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh, số 7, tr. 60-71.
14. Trần Thị Mai Nhân (2014), *Những đổi mới của tiểu thuyết Việt Nam trong 15 năm cuối thế kỷ XX*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
15. Nguyễn Phú (2000), “Quan niệm về nhân vật và kiểu nhân vật tính cách trong tiểu thuyết đương đại Việt Nam (2000-2008)”, Tạp chí *Cửa Việt*, số 183, tr. 55-62.
16. Trần Đình Sử, Lê Bá Hân (2002), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
17. Bùi Việt Thắng (2005), *Tiểu thuyết đương đại*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
18. Nguyễn Thị Kim Tiến (2012), *Con người trong tiểu thuyết Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
19. Nguyễn Thị Kim Tiến (2014), “Về kiểu ẩn danh nhân vật - Tiếp cận qua một số tiểu thuyết Việt Nam đương đại”, Tạp chí *Khoa học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, số 3, tr. 57-61.